

ĐẠI THỪA KHỞI TÍN LUẬN LIỆT VÔNG SỞ

QUYỂN 3

C2. Giải thích nghĩa bất Giác:

Chia làm hai:

D1. Nói chung về bất giác nương vào Giác nên không có thật:

D2. Chỉ riêng tướng bất Giác luống dối:

D1. Nói chung là bất Giác nương vào Giác nên không thật:

Bất Giác nghĩa là từ vô thủy đến nay, vì không biết như thật pháp chân là một, tâm Bất giác khởi mà có vọng niệm, nhưng vọng niệm kia tự không có tướng thật, không lìa chân như Bản giác.

Tâm này mé trước chắc chắn không thật có nên nói từ vô thủy đến nay. chân như chỉ có năng lực tánh đức tùy duyên, chưa có trí tu đức chiếu tánh nên nói không biết như thật. Tuy có tám thức và các tâm sở, thể và bốn phần khác nhau như tướng phần, kiến phần v.v..., nhưng sự thể như huyễn tức chân như nên nói chân pháp là một.

Chỉ vì không như thật biết này nên từ vô thủy đến nay không hề giác ngộ gọi là bất giác căn bản, cũng gọi là hạt giống vô minh trụ địa từ vô thủy. Hạt giống này tuy ở trong thức tám mà hiện hành không tương ứng với thức thứ tám, cho nên đoạn sau gọi là Bất tương ứng vô minh. Do hạt giống vô minh này, khiến bảy thức tâm ở trước chẳng sinh khởi mà giống như sinh khởi, do vì tám thức tâm khởi hiện hành liền có các pháp tâm sở tương ứng như biến hành, biệt cảnh v.v... cùng khởi nên nói có vọng niệm. Nhưng tâm vương, tâm sở này hoặc là hạt giống hoặc hiện hành, đều thành tựu sẵn vậy từ vô thủy, đều giữ toàn thể chân như làm thể, không có tự thể riêng nên nói tự không có tướng thật, Không lìa bản giác. Chữ Bản giác này tức chỉ cho chân như, không chỉ cho hạt giống vô lậu trong thức A-lại-da, bởi vì chân như tuy làm chỗ nương cho cả mê và ngộ, chẳng phải giác chẳng phải bất giác, mà bất giác trái với chân như nên chỉ được nói là không có thật. Giác thì thuận với chân như, chân như vốn không có bất giác nên có khi gọi bản giác là chân như, hoặc có khi gọi chân như là bản giác.

Hỏi: Tức cho là vọng niệm không lia hạt giống vô lậu, vì sao không được lia?

Đáp: Theo môn chân như thì lý thật vô ngại, theo môn Sinh diệt thì vì hạt giống vô lậu không sinh hiện hành hữu lậu. Huống chi là hạt giống vô lậu, cũng chẳng ngoài chân như có pháp thật riêng, nhưng lý tánh chân như này tuy từ vô thủy đến nay chưa hề ngộ, mà lẽ ra nên có Lý liễu tri chân chánh, tức gọi là đạo lý, nên rõ biết chân chánh là hạt giống vô lậu.

Nay vô minh chỉ là không biết chân như mà khởi, chớ chẳng phải đạo lý rõ biết cần có ở đoạn trên, mà ngược lại sinh ra sự liễu tri không chân chánh.

Cũng như người mê nương theo phương hướng nên mê, mê không có tự tướng, không lia phương hướng.

Phương Đông phương Tây có vị trí cố định để dụ cho chân như, biết đúng phương để dụ cho nghĩa giác, mê cho Đông thành Tây để dụ cho vọng niệm bất giác. Phương hướng chẳng có mê ngộ mà làm chỗ nương cho mê ngộ. Khi ngộ biết rõ phương hướng, ngoài phương hướng không có tướng ngộ riêng khác để được, để dụ cho ngoài chân như không có trí. Khi mê lầm phương hướng, ngoài phương hướng không có tướng mê riêng để được, để dụ cho ngoài chân như không có vọng niệm riêng. Cho nên vọng niệm tự không có tướng thật.

Hỏi: Nếu nói đông tây có phương hướng nhất định, vì sao luận Đại Trí Độ phá rằng: Nếu lấy chỗ mặt trời mọc làm phương Đông thì lúc đó ở Châu Câu Lô là nơi mặt trời lặn, nên lại gọi là phương Tây, mặt trời ở Châu Thắng Thần ở phía Đông là giờ Ngọ lại gọi là phương Nam, lúc đó mặt trời ở Châu Ngưu Hóa ở phía Tây nhằm lúc nửa đêm lại gọi là hướng Bắc. Nay nói phương hướng cố định làm sao hiểu được?

Đáp: Phàm lúc thí dụ đều theo chỗ con người cùng thấy biết trước mắt, lấy cái dễ để so sánh cái khó, lấy chỗ cạn để hình dung chỗ sâu mà thôi. Như trăng tròn dụ cho gương mặt, há đâu thể tìm được lông mày, lỗ mũi, núi Tuyết dụ cho voi, đâu thể gạn hỏi đuôi và nga, nhưng phải ngay chỗ dẫn dụ mà hiểu rõ thêm nghĩa mâu nhiệm.

Nếu theo châu này thì đông tây có chỗ nhất định, ngoài phương hướng cố định không có tướng biết nào khác, có thể ví dụ ngoài chân như không có trí.

Nếu theo bốn châu thì đông tây không cố định, mỗi nơi tùy chỗ hiểu biết của chúng sinh mà đặt tên. Ngoài chỗ hiểu biết không thật có phương hướng riêng, có thể dụ ngoài trí không có chân như.

Nếu đoạt nhau thì cả hai đều mất, nên nói đều không thật có, lia hai tướng chấp trước. Nếu song chiếu thì rõ ràng, nên nói chỉ có như như và trí như như.

Hỏi: Ví như mê lầm phương hướng cần người chỉ đường, chúng sinh từ vô thủy đến nay chưa hề giác ngộ thì vị Phật đầu tiên nhờ ai chỉ dạy?

Đáp: Theo môn Chân như còn không có vấn đề thành Phật và không thành Phật, thì đâu có trước sau. Theo môn Sinh diệt thì ví như ở chốn hoan vắng lạc đường không thể hỏi thăm, chỉ nên dựa vào bóng mặt trời qua lại để biết phương Đông phương Tây. Chúng sinh cũng như vậy, nếu hay quán sát kỹ tướng sinh già bệnh chết liền sẽ giác ngộ, nên Đại sư Tử Bá nói: “Vị Phật đầu tiên lấy khổ để làm thầy”.

Chúng sinh cũng như vậy, vì nương tánh giác chân như mà có bất giác, vọng niệm do mê lầm sinh khởi, nhưng bất giác kia tự không có tướng thật, không lia chân như bản giác. Lại do đối đãi bất giác nên gọi là chân giác, bất giác đã không có thì chân giác cũng dẹp bỏ.

Đoạn này dùng pháp hợp dụ. Giác và bản giác ứng hợp với chữ phương hướng, tức cũng chỉ cho chân như. Lại do đối đãi bất giác nên gọi là chân giác, nghĩa là còn lầm phương hướng nên mới nói giác ngộ phương hướng. Chữ Chân giác này tức chỉ cho thủy giác rốt ráo. Thủy giác hợp với bản giác chẳng có khác nhau. Bản giác tức là chân, không phân chia thành lý và trí, nên nói chân giác cũng dẹp.

Phần đầu nói chung về Bất Giác nương vào Giác nên không có thật đã xong.

D2. Chỉ riêng Tướng bất Giác lưỡng đối:

Lại nữa, vì nương buông lung mà có Bất giác, sinh ba tướng không thể xa lia nhau:

Tướng Vô minh nghiệp, vì nương sáu tâm động thành nghiệp. Giác thì không động, động thì có khổ vì quả không lia nhân.

Tướng Năng kiến, vì nương tâm động, thấy được cảnh giới, không động thì không thấy.

Tướng Cảnh Giới, vì nương tướng năng kiến mà cảnh tướng lưỡng đối hiện, lia Năng kiến thì không có cảnh.

Đoạn này giải thích hai vấn đề:

E1. Giải thích theo vô minh từ vô thủy.

E2. Giải thích theo quán chiếu hiện tiền.

E1. Giải thích theo vô minh từ vô thủy:

Có nghĩa là chúng sinh từ vô thủy đến nay vốn sẵn có tám thức, tức

là sẵn có các tâm sở tương ứng với nó. Tâm tâm sở này đều là chân như bất biến, tùy duyên mà thành, vì chân như từ vô thủy đến tận vô chung vị lai chắc chắn không lúc nào chẳng tùy duyên. Nếu không theo duyên nhiễm và tịnh để tạo thành mười cõi, thì do đâu hiển bày được đức Bất biến kia. Chỉ vì từ vô thủy đến nay không hề giác ngộ chưa có duyên Tịnh, chỉ theo duyên Nhiễm gọi là buông lung. Buông lung này tức là một trong tám thứ Đại tùy phiền não, đối với nhiễm tịnh không thể tu ngăn ngừa; Buông lung là Tánh, nương chỗ thêm ác bớt thiện làm Nghiệp, nên nói vì nương vào buông lung mà có Bất giác.

Bất giác là câu sinh pháp si của hai thức thứ sáu và bảy tương ứng. Do không thể hiểu biết như thật chân pháp là một bèn khiến Chân, vốn chẳng khác tướng Tâm vương, Tâm sở, huyễn thành tục, tướng có khác nhau, mỗi thứ có bốn phần.

Lấy hai phần Thể bên trong gọi là Nghiệp tướng, lấy hai phần Dụng bên ngoài gọi là tướng Năng kiến và tướng Cảnh giới. Tâm vương, Tâm sở, không khởi thì thôi, khởi thì dĩ nhiên có bốn phần này đồng thời cùng khởi không thể chia rẽ riêng khác nên nói không xa lìa nhau.

G1. Vô minh nghiệp tướng:

Là thể của quả báo Tâm, Tâm sở, nương vào vô minh bất giác mà động, động thì gọi là Nghiệp. Vì thể của thức thứ tám hoàn toàn là báo pháp dị thực, vô ký. Thức thứ bảy tuy gọi là hữu phú vô ký, cùng một phần báo pháp vô ký của sáu thức trước và tâm sở tương ứng với báo đắc kia đều gọi là dị thực sinh. Thể của báo pháp này đều gọi là Tâm, vì nương vô minh bất giác mà động, gọi đó là Nghiệp.

Tâm là Chứng Tự Chứng Phần, nghiệp là Tự Chứng Phần. Giác thì khế hội chân như nên bất động, Bất Giác mà động thì đương thể liền là quả báo pháp khổ. Do động làm nhân, hiển bày tâm là quả khổ nên Luận Duy Thức lấy Tự Chứng Phần thứ ba làm năng lượng, Chứng Tự Chứng Phần thứ tư làm quả lượng, như mặt và lưng gương cả hai không lìa nhau nên nói quả không lìa nhân.

G2. Tướng Năng kiến:

Tức khi Tâm vương Tâm sở khởi hiện hành phải có kiến phần thấy được cảnh, nhưng bất động thì không thấy, động thì thấy, chẳng phải động trước thấy sau.

G3. Tướng Cảnh giới:

Tức khi tâm vương, tâm sở khởi hiện hành, thì có tướng phần làm cảnh bị duyên, chỉ lìa thấy (kiến) thì không có cảnh, thấy thì có cảnh, chẳng phải trước thấy sau có cảnh. Vì chỉ do bất giác nên toàn thể chân

như thành Tâm, tâm sở mỗi thứ có ba tướng. Nếu rõ biết ba tướng là vô tướng, chỉ là một chân như thì tất cả nghiệp tướng của Tâm, Tâm sở tức là thể chân như, tất cả năng kiến là tướng chân như, tất cả cảnh giới tức dụng chân như, nên đoạn trước nói nếu có chúng sinh quán sát tất cả vọng niệm vô tướng thì chứng được trí tuệ Như Lai.

E2. Giải thích theo hiện tiền quán chiếu:

Nếu quán thấy tất cả vọng niệm vô tướng thì cứ một niệm tương ứng một niệm Phật, mỗi niệm tương ứng mỗi niệm Phật, tức gọi là chẳng buông lung, tức gọi là giác. Nên nói phàm phu bị đũa thứ trời buộc mà biết được tạng bí mật của Như Lai thì tuy là mất thịt cũng gọi là mất Phật, đều không có ba tướng, sáu tướng để xứng hợp. Nếu một niệm buông lung mất quán chiếu liền có bất giác, khiến ba tướng và sáu tướng ở dưới lăng xăng chóng hiện. Đẹp hết chín tướng do một niệm vô minh hiện, há có chín tướng riêng do vô minh từ vô thí sinh ra sao?

Vì có cảnh giới luống dối duyên, lại sinh ra sáu tướng.

Cảnh giới chỉ là tướng phần của Tâm, tâm sở của chính mình nên gọi là luống dối, có nghĩa là tánh Y tha khởi, như huyền sự, lấy đây làm duyên Sở Duyên và duyên Tăng Thượng nên sáu tướng lại sinh. Năng sinh đã luống dối thì tướng Sở sinh chẳng lẽ có thật ư? Nhưng ba tướng trước là chung cho tám thức và các Tâm sở, vì Tâm, tâm sở mỗi thứ chắc chắn có bốn phần nên sáu tướng sau đây phải có hạn cuộc và có thông.

G1. Trí tướng:

Nghĩa là duyên cảnh giới sinh tâm ái và chẳng ái.

Trí tướng tức tâm sở tuệ trong biệt cảnh. Tướng này chỉ tương ứng với bảy thức trước, thức bảy chỉ duyên Kiến phần thức thứ tám chấp là ngã thật pháp thật, sinh tâm tham ái. Ái tức là tham trong các phiền não căn bản. Thức thứ sáu duyên khắp tất cả cảnh giới trong ba cõi, khởi khắp tâm ái và chẳng ái. Ái tức là tham, chẳng ái tức sân.

Năm thức trước chỉ duyên cảnh giới nhất trần ở hiện tại, mỗi thức khởi tâm ái và chẳng ái, nhưng trí tướng này cùng lấy toàn thể chân như làm thể, không khác một mảy may với nghĩa Giác ở đoạn trước. Nếu liễu đạt Trí, Vô Trí tức nhau là chứng đắc trí tuệ Như Lai.

G2. Tướng tương tục:

Nghĩa là nương vào trí, niệm biết khổ vui tương ứng không dứt.

Tương tục có hai nghĩa:

Theo tâm sở, thì Thọ và Niệm Định.

Biết khổ vui là Thọ, do Niệm nên không quên, do Định nên

chuyên chú.

Theo tâm vương, tức đẳng vô gián ý căn. Do trí và niệm giúp tâm vương kia khởi tương tục, giả lập tâm vương niệm trước đã diệt gọi là ý căn. Nhưng thức thứ tám, thức thứ bảy từ vô thủy đến nay pháp vốn tương tục không nương vào trí, sáu thức trước nối tiếp đều nương vào trí khởi nên nói tương ứng không dứt. Nhưng sự nối nghiệp này, thật không có thể tánh, ví như một điểm lửa nhỏ quay thành vòng tròn, lửa diệt trong mỗi niệm, lửa không từ điểm này chuyển đến điểm khác. Do lửa dường như nối tiếp nên vọng thấy vòng tròn lửa. Tâm tánh cũng vậy, vắng lặng trong mỗi niệm, không có nghĩa nối tiếp. Do mê tình nên giống như thường hằng duy nhất, nên gọi là tương tương tục. Nếu quán kỹ nối tiếp vô tướng thì chứng đắc trí tuệ Như Lai.

G3. Tướng chấp trước:

Nghĩa là nương niệm giác biết khổ vui nối tiếp mà sinh chấp trước.

Chấp trước tức tâm sở thắng giải trong biệt cảnh và các phiền não tham, sân, mạn v.v... tha hồ sinh khởi.

Tâm trong một sát-na sinh ra liền diệt, nên không có nghĩa chấp trước, do tâm trước và sau dường như nối nhau mới có công năng chấp trước. Tướng này chỉ có ở sáu thức vì thức thứ bảy, thức thứ tám và năm thức trước chỉ duyên cảnh trong sát-na hiện tại nên không chấp trước. Nhưng quán tướng như thật này thì năng chấp tức Kiến phần thức thứ sáu, sở chấp tức Tướng phần thức thứ sáu. Kiến phần không dừng trụ dù một sát-na, tướng phần cũng không trụ dù một sát-na thì làm sao chấp trước? Nếu biết rõ chấp trước không tướng thì chứng được trí tuệ Như Lai.

G4. Tướng chấp danh đẳng:

Nghĩa là nương chấp trước phân biệt danh v.v... các tướng an lập.

Ở đây là tâm sở Tầm, Tư trong bốn tâm sở bất định và năm kiến chấp trong các phiền não căn bản cũng chỉ ở thức sáu.

Nhưng năng chấp cũng tức Kiến phần sát-na sinh diệt nên không có nghĩa năng chấp. Sở chấp tức hoặc danh hoặc nghĩa tự tánh khác nhau, trong danh không có nghĩa, trong nghĩa không có danh, tự tánh danh nghĩa hoàn toàn không thật có, danh nghĩa khác nhau hoàn toàn không thật có, theo tâm mà sinh diệt, đâu thể chấp trước. Nếu biết rõ tướng chấp danh v.v... là vô tướng thì chứng đắc trí tuệ Như Lai.

G5. Tướng khởi nghiệp:

Nghĩa là nương chấp danh v.v... khởi các thứ nghiệp khác nhau.

Nghiệp năng khởi tức tâm sở Tâm, Tư tương ứng với thức thứ sáu, nghiệp sở khởi là chung cho năm thức trước. Sai biệt là hoặc khởi nghiệp ác, hoặc khởi nghiệp lành, hoặc nghiệp thiên định, tức là các nghiệp hữu lậu trong ba cõi, cho đến nghiệp vô lậu xuất thế gian, nghiệp lợi tha của Bồ-tát đều gọi là tướng khởi nghiệp.

Nhưng tánh nghiệp này tức là thân biểu, ngữ biểu, vô biểu. Vả lại thân biểu thì không phải hình lượng, cũng chẳng phải động tác, cũng chẳng phải nhân tác động, chỉ là giả danh chẳng có thật thể. Kế đó, ngữ biểu là âm thanh trong một sát-na không có nghĩa bày tỏ, nhiều niệm nối nhau dường như có sự bày tỏ nhưng không có thật thể. Biểu nghiệp đã không có tánh thật, chẳng lẽ vô biểu lại có thật. Nếu biết rõ tướng nghiệp là vô tướng thì chứng đắc trí tuệ Như Lai.

G6. Tướng nghiệp hệ khổ:

Nghĩa là nương nghiệp chịu khổ, không được tự tại.

Đã gây ra các nghiệp hữu lậu trong ba cõi thì bị nghiệp ba cõi trói buộc, nghiệp dẫn tự chuốc quả báo dị thực, nghiệp viên mãn tự chuốc quả báo tăng thượng khác nhau, gọi chung là quả báo năm uẩn.

Lạc là hoại khổ, Khổ là khổ khổ, Không Khổ Không lạc là hành khổ. Vô thường vô ngã cho nên đều không tự tại, cho đến nghiệp vô lậu và lợi tha chiêu cảm sinh tử biến dịch cũng gọi là khổ, cũng không tự tại.

Nhưng quả báo năm uẩn này, sắc không tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức cũng không tự tánh. Đã không có tự tánh, thể tức chân như, đã tức chân như thì có vô biên đức tướng, nghiệp dụng. Cho nên chỉ tướng nghiệp hệ khổ tức là Đại thừa, không thể nghĩ bàn. Nếu quán khổ tướng này là vô tướng, thì chứng đắc trí tuệ Như Lai.

Vì sao vô minh bất giác lại nương thân tâm này mà huyễn thành nghiệp tướng, là ba tướng và sáu tướng v.v..., luân hồi trong đó, tự chịu trôi lăn ư!

Cho nên phải biết tất cả pháp nhiệm đều không có tướng vì đều do vô minh sinh khởi.

Ở đây nói tóm kết ba tướng, sáu tướng đều không thật. Vì nương vào giác mà có vô minh, vô minh đã không có tướng thật, hướng chi là các pháp nhiệm nương Vô minh mà sinh chẳng lẽ lại có thật ư!

Tướng nhiệm là bốn tướng, Trí v.v... là nhiệm hoặc, khởi nghiệp tướng thứ năm là nhiệm nghiệp, cả hai đều là nhân nhiệm. Tướng Nghiệp hệ khổ và khổ quả khởi ba tướng trên chính là y báo và chánh báo trong thân và cảnh giới bên ngoài, là quả nhiệm. Hoặc nhân, hoặc quả đều do

vô minh sinh khởi, ví như dụi mắt thấy hoa đốm lẳng xăng, nếu mắt hết bệnh hoa đốm vốn không có. Vô minh không khởi thì Khổ tức Pháp thân, hoặc tức Bát nhã, Nghiệp tức giải thoát, đâu có một pháp nào chẳng phải Đại thừa.

Phần hai y nghĩa giải thích mỗi thứ đã xong.

B3. Phân tích chung sự giống nhau và khác nhau:

Chia làm hai:

C1. Nêu ra

C2. Giải thích.

C1. Nêu ra:

Lại nữa, Giác và Bất Giác có hai tướng là đồng tướng và dị tướng.

Đoạn trước nói thức A-lại-da có hai nghĩa là giác và bất giác nên đoạn này sẽ phân biệt sự giống nhau và khác nhau.

Chân như bất biến tùy duyên nêu thể nên thành thức A-lại-da, tức toàn thể thành giác, bất giác v.v... giác và bất giác tùy duyên bất biến đã nêu thể nương thức A-lại-da, tức toàn thể là chân như, nay theo tùy duyên bất biến, vì sinh diệt tức chân như nên gọi là tướng giống; theo bất biến tùy duyên, vì chân như tức sinh diệt nên gọi là tướng khác. Cho nên đoạn trên nói hai môn xoay vần không lìa nhau.

C2. Giải thích:

Chia làm hai:

D1. Giải thích tướng giống nhau.

D2. Giải thích tướng khác nhau.

D1. Giải thích Tướng giống nhau:

Tướng giống nhau là, ví như các thứ đồ gốm đều có tướng đất là giống nhau, cũng như thế các thứ dụng huyễn của vô lậu vô minh đều đồng có tướng chân.

Vô lậu là nghĩa Giác, vô minh là nghĩa Bất Giác. Các thứ dụng huyễn chỉ cho cả hai loại, dụng không thể nghĩ bàn nương trí vô lậu khởi và ba tướng, sáu tướng nương vô minh khởi. Đều đồng tướng chân, tức đều là chân như bất biến, tùy duyên mà thành, cho nên tùy duyên bất biến, mỗi mỗi đều là toàn thể chân như, như đất làm đồ gốm không có món nào chẳng phải toàn thể đất.

Cho nên Phật tất cả chúng sinh từ vô thỉ đến nay thường nhập Niết-bàn. Bồ-đề chẳng phải tướng để tu, chẳng phải tướng có thể sinh, rốt ráo không thật có, không có sắc tướng để thấy.

Thấy sắc tướng nên biết đều là dụng huyễn theo nhiễm, chẳng

phải tướng Trí sắc Bất Không, vì tướng Trí không thật có như đoạn trên đã nói rộng.

Ở đây dẫn kinh để chứng minh tướng đồng của chân như. Vô thì đến nay thường nhập Niết-bàn nghĩa là Niết-bàn tự tánh thanh tịnh nói trong Luận Duy Thức, tất cả hữu tình đều bình đẳng có Niết-bàn này.

Bồ-đề chẳng phải tướng để tu, chẳng phải thức để sinh, nghĩa là như trong kinh Đại Phật Đảnh nói kiến và duyên, vốn là diệu tịnh minh thể của Bồ-đề thì làm sao trong đó lại có đúng và sai. Không có sắc tướng để thấy nghĩa là cũng không có tướng nào chẳng phải Bất Không, như đã nói ở đoạn trước. Vì chẳng phải chỗ thực hành của tâm vọng niệm nên chỉ là chỗ chứng của người lìa niệm. Từ câu thấy sắc tướng v.v... trở xuống là giải thích nghi ngờ vặn hỏi.

Hỏi: Nếu theo tướng đồng thì nhất định không có sắc tướng để thấy thì làm sao có sắc tướng để thấy, cũng thấy các thứ sắc tướng Như Lai?

Đáp: Nên biết đều theo môn Sinh diệt, dụng huyễn tùy nhiệm thấy có sắc tướng khác nhau, chẳng phải nói tướng Trí sắc Bất Không trong môn Chân như cũng để thấy. Vì tướng Trí đồng chân như, tuy thật Bất Không, cũng không có tướng Bất Không để được. Giảng rộng như Phật đã dạy trong kệ kinh kia.

Phần đầu giải thích tướng giống đã xong.

D2. Giải thích Tướng khác nhau:

Tướng khác nghĩa là như các thứ đồ gồm mỗi thứ không giống nhau, ở đây cũng như thế, các thứ dụng huyễn của vô lậu vô minh có tướng khác nhau.

Không phải chỉ có Giác tướng vô lậu và Vô Minh hữu lậu tướng khác nhau, mà các thứ dụng huyễn trong pháp vô lậu như bốn trí Bồ-đề, ba thân, bốn cõi cho đến mười lực, vô úy, mười tám pháp bất cộng... mỗi tướng đều khác nhau. Nếu theo pháp hữu lậu, Tâm vương Tâm sở, Tướng phần, Kiến phần, Tự chứng phần, hiện hành hạt giống và các nhân quả, phần đoạn, biến dịch là các thứ dụng huyễn, mỗi tướng đều khác nhau. Nhưng dụng huyễn khác nhau này không có tự tánh nên thường khác mà giống, vì ngay không có tánh này tức là chân như không khác nhau, nhiếp khắp tất cả pháp khác nhau đều vào một pháp. tức là ngay một pháp đã nhiếp tất cả pháp khác nhau, nắm lên bất cứ một pháp nào cũng lại thu nhiếp tất cả các pháp, cho nên có lớp lớp vô tận, vô tận lớp lớp đều do hai tướng giống và khác nhau này hiển bày.

Phần đầu giải thích Tâm sinh diệt đã xong.

A2. Nhân duyên sinh diệt:

Chia làm hai:

B1. Nhân duyên mê nhiễm.

B2. Nhân duyên ngộ tịnh.

B1. Nhân duyên mê nhiễm:

Chia làm hai:

C1. Nói chung nương tâm nên chuyển

C2. Giải thích riêng Ý và Ý thức.

C1. Nói chung nương vào Tâm nên chuyển:

Lại nữa, nhân duyên sinh diệt nghĩa là các chúng sinh nương Tâm, Ý, Ý thức chuyển.

Sinh diệt tuy không có tự tánh, toàn thể là chân như, mà chân như thì bất biến tùy duyên, khi toàn thể thành sinh diệt thì trong sinh diệt phải nói về nhân duyên mới khỏi bị lỗi tà nhân và vô nhân.

Ở đây thức thứ tám và bảy thức trước làm nhân quả cho nhau, thành lý Duy Thức. Chúng sinh là giả danh của năm uẩn hòa hợp, Tâm là thức thứ tám, Ý là thức thứ bảy, Ý Thức là thức thứ sáu và năm thức trước. Thức thứ tám là Căn Bản Ý, thức thứ bảy mới chuyển, thức thứ bảy là Nhiễm Tịnh Ý, thức thứ sáu mới chuyển, thức thứ sáu là Phân Biệt Ý năm thức trước mới chuyển, nên nói nương Tâm, Ý, Ý thức chuyển.

C2. Giải thích riêng Ý và Ý thức:

Chia làm hai:

D1. Giải thích ý.

D2. Giải thích ý thức.

D1. Giải thích Ý:

Nghĩa này thế nào? Vì nương thức A-lại-da có vô minh bất giác khởi năng thấy, năng hiện, năng chấp cảnh giới, phân biệt tương tục gọi là ý.

Nghĩa là trong thức A-lại-da vốn có hạt giống thức thứ bảy và có hạt giống căn bản vô minh, vì từ vô thủy đến nay thức thứ bảy và thức tám vẫn thường cùng chuyển, vì thức thứ bảy cùng Bất cộng vô minh vẫn thường đi chung nên nhất định tương ứng. Nơi một thể chân như vô tướng khiến Tâm, tâm sở chia thành Thể Dụng, chia thành tướng Kiến phần, sinh các chấp trước dường như nối tiếp, đều lấy thức thứ bảy làm Nhiễm Ô Ý, nên gọi thức bảy là Ý.

Ý là nương tựa. Nương thức thứ bảy, thức thứ tám mới có tên A-lại-da và tên Dị thực, mới khiến sáu thức trước thành nghĩa hữu lậu nên

gọi thức thứ bảy là nhiễm y.

Nếu thức thứ bảy dứt hết chấp Nhân Ngã thì thức thứ tám mới xả bỏ tên gọi A-lại-da, quả Sinh Không trí (nhân không) của thức thứ sáu hằng được hiện tiền, năm thức trước không khởi các nghiệp hữu lậu.

Nếu trừ hết Pháp Ngã chấp của thức thứ bảy thì thức thứ tám xả bỏ tên Di thực chuyển thành trí Đại viên cảnh tương ứng tâm phẩm, cũng thường cùng trí Bình đẳng tánh tương ứng, quả Pháp Không trí của thức thứ sáu hằng được hiện tiền, năm thức trước chuyển thành trí Thành sự nên còn gọi là Tịnh Y. Như luận Thích Ma-ha-diễn dẫn Hiển Liễu Khế Kinh rằng: “Các thứ tâm thức tuy có vô lượng, chỉ cần chuyển thức Mạt-na, không có pháp nào khác. Vì sao? Thức Mạt-na này có đủ mười một nghĩa, không việc gì chẳng làm” là nghĩa này.

Ý này lại có năm tên khác:

Nghiệp thức.

Nghĩa là do năng lực vô minh bất giác tâm động.

Do thức thứ bảy thường tương ứng với pháp si, vì không biết như thật chân pháp là một khiến tự cùng thức thứ tám hằng chuyển từ vô trí, khiến sáu thức trước nương đây mà chuyển. Tâm thật không động, vì bất giác nên gọi là tâm động. Động tức là hiện hành, chuyển thể hiện hành tức Tự Chứng phần gọi là nghiệp tướng. Cho nên nghiệp chướng tất cả Tâm, tâm sở đều nương thức thứ bảy vô minh mà sinh khởi, gọi là tánh Y tha khởi, nên gọi thẳng thức thứ bảy này là nghiệp thức. Nếu quán tâm động thì không sinh diệt, tức nhập vào môn chân như.

Chuyển thức.

Nghĩa là nương tâm động thấy được tướng cảnh giới.

Do thức thứ bảy vẫn đi chung với bất cộng vô minh vì không biết chân pháp như thật là một, khiến các tâm, tâm sở mỗi pháp vốn có tướng năng thấy cảnh giới gọi là Kiến phần, nên gọi thẳng thức thứ bảy này là chuyển thức. Nếu quán tất cả cảnh giới chẳng phải tướng thấy, thì thấy không có tướng thấy, tức được vào môn chân như.

Hiện thức.

Nghĩa là hiện tất cả tướng các cảnh giới, ví như gương sáng hiện các hình sắc, hiện thức như cũng vậy, ví như năm cảnh kia đối diện liền hiện không có trước sau không do công sức.

Do bất cộng vô minh thức thứ bảy không biết chân pháp là một, khiến tâm, tâm sở khi khởi hiện hành, mỗi tâm vốn có các cảnh giới hiện khởi gọi là Tướng phần. Thể của các tâm, tâm sở ví như gương sáng, kiến phần như ánh sáng, tướng phần như hình ảnh được hiện, nếu

chẳng do năng lực chấp tàng của thức thứ bảy thì thức thứ tám do đâu biến hiện ba thứ tánh cảnh của ba cõi. Nếu chẳng phải thức thứ bảy làm bất cộng thân y của thức thứ sáu, thì thức thứ sáu do đâu biến hiện tất cả các pháp giả thật. Nếu thức thứ bảy không làm chỗ nương cả Nhiễm và Tịnh cho năm thức trước, thì năm thức trước do đâu mà được như năm cảnh kia, đối diện liền hiện không có trước sau, không do công sức. Nên gọi thẳng thức thứ bảy là hiện thức.

Nếu quán tất cả cảnh giới chẳng có gì không thấy, thì cảnh không tướng cảnh, tức được nhập môn chân như.

Trí thức.

Nghĩa là phân biệt các pháp nhiễm tịnh khác nhau.

Do thức thứ bảy bất cộng vô minh không biết chân pháp như thật là một, khiến khi tâm, tâm sở hiện hành chuyển thành hai thứ Kiến phần Tướng phần, như huyễn. Lại do thức thứ bảy có hai lực chấp nhân ngã và chấp pháp ngã, đã vọng chấp kiến phần thức thứ tám là thật ngã thật pháp, thành nhiễm phân biệt.

Lại làm bất cộng thân y của thức thứ sáu, làm nhiễm tịnh y cho năm thức trước khiến sáu thức trước phân biệt các pháp nhiễm tịnh khác nhau, nên gọi thẳng thức thứ bảy là trí thức.

Nếu quán năng phân biệt và sở phân biệt đều không có tự tánh thì Trí không có tướng trí, liền vào được môn chân như.

Tương tục thức.

Nghĩa là vẫn thường tác ý nối tiếp không dứt, nắm giữ các nghiệp thiện ác trong quá khứ không để hoại mất, thành thực các quả báo khổ vui đời hiện tại và vị lai không để trái vượt. Việc đã trải qua bất chợt nhớ lại, việc chưa trải qua vọng sinh phân biệt.

Do bất cộng vô minh của thức thứ bảy không biết chân pháp như thật là một, đối với chân thường vọng thấy sinh diệt, lại không biết sát-na không dừng trụ, đương thể vắng lặng, đối với sinh diệt vọng thấy nối nhau cho nên trong mỗi niệm chấp thức thứ tám là Ngã Pháp của mình, khiến thọ huân trì chủng kia vờ lấy quả dị thực, mỗi niệm thành sáu chuyển thức, nương theo bên ngoài khiến thức kia ghi nhớ quá khứ, phân biệt vị lai.

Nếu chẳng phải câu sinh pháp chấp của thức thứ bảy làm chỗ nương cho sáu thức trước, thì thức thứ tám liền không thọ huân bảy thức trước, giữ gìn hạt giống hữu lậu, vì không có bảy thức trước năng huân thì không có thức thứ tám sở huân, thức thứ sáu cũng không ghi nhớ quá khứ phân biệt vị lai vì không có thức thứ bảy, thức thứ tám sở y thì

không có thức thứ sáu năng y. Cho nên gọi thẳng thức thứ bảy này là thức tướng tục.

Như trong Thích Luận dẫn Pháp Môn Khế Kinh rằng: “Vì thức thứ bảy có sức rất mạnh, nên có khi có công dụng tạo tác chứa giữ, hoặc có khi là chỗ tạo tác phân biệt” chính là ý nghĩa này.

Nếu quán tâm tánh sát-na không dừng trụ đương thể vắng lặng thì nổi nhau không có tướng nối tiếp, liền vào được môn chân như.

Cho nên tất cả ba cõi đều lấy tám thức tâm làm tự tánh, lìa tám thức tâm không có cảnh giới sáu trần. Vì sao? Vì tất cả các pháp lấy tám thức tâm làm chính. Từ thức thứ bảy vọng niệm khởi, phạm tám thức sở phân biệt đều phân biệt tám thức tướng phần sở biến của tự tâm. Tâm chẳng thấy tâm, không có tướng để được, cho nên phải biết tất cả tướng cảnh giới thế gian đều nương vô minh vọng niệm của chúng sinh mà được kiến lập. Như bóng trong gương không thật có thể tánh, chỉ từ tâm luống dối phân biệt chuyển, vì tâm sinh thì các pháp sinh, tâm diệt thì các pháp diệt.

Đoạn này tiếp theo ý trên, vì chỉ do thức thứ bảy bất cộng vô minh không biết như thật chân pháp là một, bên trong duyên thức thứ tám khởi hai thứ chấp Ngã, bên ngoài làm sáu y khiến khởi vọng niệm nên có tất cả các pháp y báo chánh báo thế gian v.v... Tất cả pháp này đều là chỗ biến của tám thức tâm, tức lấy tám thức tâm làm tự tánh, nếu lìa tám thức tâm Năng biến thì đâu có thể được cảnh giới sáu trần Sở biến. Cho nên tất cả các pháp đều không lìa thức căn bản thứ tám, nên nói lấy tâm làm chính; đều từ thức thứ bảy vô minh huyền hiện nên nói từ vọng niệm khởi. Thức thứ tám phân biệt ba thứ tánh cảnh lại thành tướng phần sở biến của thức thứ tám, thức thứ bảy phân biệt Ngã Pháp luống dối trở lại thành Tướng phần sở biến của thức thứ bảy, thức thứ sáu phân biệt tất cả các pháp trở thành Tướng phần Sở biến của thức thứ sáu, năm thức trước phân biệt năm trần tánh cảnh trở lại thành Tướng phần Sở biến của năm thức trước. Cho nên hề có phân biệt đều là phân biệt tự tâm. Ví như có người mở to mắt, đi tìm mắt mình rốt cuộc không thấy, tâm cũng giống như thế nên nói tâm chẳng thấy tâm.

Nhưng mắt không tự thấy vẫn có người khác thấy được mắt kia, tâm không thấy tâm nhưng không có người khác thấy được tâm kia, nên nói không có tướng để được.

Hỏi: Nếu không có người nào khác thấy được tâm, vì sao nói có tha tâm thông?

Đáp: Do khởi vọng niệm, vọng có duyên ảnh khiến người có tha

tâm thông trí giữ lấy cái này làm sắc chất, duyên theo tướng thay đổi gọi đó là biết tâm người khác. Thật ra, bóng dáng duyên theo (ảnh duyên) tức là bóng tướng phần sở biến, chẳng phải là Tâm thể cũng chẳng phải kiến phần. Tâm thể và tâm kiến phần đều không hình tướng, chắc chắn không thể thấy, cho nên Như Lai nói: Ta dùng mắt Phật cũng không thể thấy tâm chúng sinh, vì sao người ngu nói có tướng tâm để được?

Hỏi: Thức thứ bảy duyên kiến phần thức thứ tám chấp làm thật ngã, thật pháp, gọi là lấy tâm duyên tâm, há chẳng phải là tâm thấy tâm hay sao?

Đáp: Dù cho thức thứ bảy thấy được thức thứ tám thì đáng lẽ gọi là hiện lượng, vì sao gọi là phi lượng, nên biết tất cả kiến phần tâm, tâm sở đều không hình tướng thật có, chắc chắn không thể thấy!

Tâm năng biến còn tự không có tướng để thấy, thì cảnh giới sở biến há là có thật! Cho nên phải biết tất cả tướng cảnh giới thế gian đều nương vô minh vọng niệm của chúng sinh mà kiến lập, nghĩa là nương Bất Cộng Vô Minh của thức bảy, vì không biết như thật chân pháp là một kiến tâm, tâm sở chuyển thành bốn phần, thì tất cả cảnh giới thế gian này chỉ là Tướng phần của Tâm, tâm sở của mình.

Thể của tâm, tâm sở như gương, Tướng phần như hình tượng trong gương. Hình tượng không lìa gương, không có tự thể riêng để được, chỉ từ tâm luống dối phân biệt chuyển, dứt bỏ các tâm, tâm sở phân biệt ra, thì đâu hề có pháp tự sinh diệt!

Phần đầu giải thích chữ Ý đã xong.

D2. Giải thích Ý thức:

Ý thức nghĩa là tất cả phàm phu nương thức tướng tục chấp ngã, ngã sở, các thứ vọng chấp cảnh giới sáu trần cũng gọi là thức phân ly, cũng gọi là thức phân biệt sự, vì nương kiến, ái v.v... huân mà thêm lớn.

Sáu thức trước gọi chung là thức liễu biệt cảnh, nay nêu thức thứ sáu để nhiếp năm thức trước. Chỉ cho là tất cả phàm phu là nói theo nhân duyên mê nhiễm.

Nương thức tướng tục nghĩa là dùng thức thứ bảy làm nhiễm tịnh y, thức thứ bảy hằng chuyển cùng thức thứ tám từ vô thủy không dứt nên gọi là thức tương tục. Chấp ngã, ngã sở nghĩa là thức bảy chỉ có Ngã chấp câu sinh, thức thứ sáu nương vào đó biến khởi phân biệt khắp câu sinh ngã và ngã sở chấp. Các thứ vọng chấp cảnh giới sáu trần nghĩa là thức sáu hoặc đồng khởi với năm thức trước, gọi là đồng thời ý thức, chấp lấy cảnh giới sắc thanh hương vị xúc hiện tại gọi là năm trần, hoặc

chỉ tự khởi gọi là độc đầu ý thức, chấp lấy tất cả cảnh giới quá khứ, hiện tại, vị lai. Nếu ở trong mộng thì chấp lấy cảnh giới hiện trong mộng, nếu nhập thiền định thì chấp lấy cảnh giới tu chứng thuộc bốn thiền và bốn không đều gọi là pháp trần.

Cũng gọi là thức phân ly, nghĩa là nhãn thức chỉ duyên sắc đã do mình biến ra, cho đến thân thức chỉ duyên xúc đã do mình biến ra. Ý thức tuy duyên khắp nhưng không thể biết các trần vô tánh, chỉ là tâm mình, nên gọi là thức phân ly. Cũng gọi là thức phân biệt sự, nghĩa là vọng cảnh sáu trần được gọi là Sự, chẳng biết lý vô tánh nên gọi là thức phân biệt sự. Vì nương kiến Ai v.v... huân mà thêm lớn nghĩa là, ái tức sáu thức tương ứng các thứ độn sử, kiến tức thức sáu tương ứng các thứ lợi sử, hiện hành huân thành hạt giống, hạt giống lại khởi hiện hành cho nên thêm lớn.

Phần đầu nói về nhân duyên Mê Nhiễm đã xong.

B2. Nhân duyên Ngộ tịnh:

Chia làm hai:

C1. Nói chung Ngộ có cạn sâu

C2. Giải rõ sự cạn sâu khác nhau.

C1. Nói chung Ngộ có cạn sâu:

Vô thủy vô minh huân nên thức được sinh khởi, trí tuệ phàm phu Nhị thừa chẳng thể biết, Bồ-tát địa vị Giải hạnh mới bắt đầu quán sát, Bồ-tát Pháp thân biết được chút ít, đến Cửu cánh địa vẫn chưa biết hết, chỉ có Như Lai mới biết rõ tất cả.

Vô thủy vô minh tức câu sinh pháp si của thức thứ bảy gọi là Căn bản trụ địa vô minh. Do vô minh này, không biết chân pháp như thật là một, cho nên chúng sinh từ vô thủy đến nay, chân như bất biến tùy duyên vốn có tám thức:

Thức thứ bảy là năng chấp, thức thứ tám là sở chấp.

Thức thứ tám là sở huân, bảy thức trước là năng huân.

Bảy thức trước là năng y, thức thứ tám là sở y.

Thế trí phàm phu chắc chắn không thể biết, chân trí Nhị thừa cũng không thông đạt chỗ này, nên Như Lai vì người độn căn chỉ nói pháp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới để phá ngã chấp cho họ, mà không hề dạy rõ hai thức bảy và tám. Bồ-tát địa vị Giải hạnh tức là sau Tín thành tựu phát tâm, gọi là Giải hạnh địa, Duy Thức gọi là Tư lương vị và Gia hạnh vị, nắm giữ giáo lý Đại thừa, tu hạnh tu tâm nốt mười ngàn kiếp mới được phát tâm vào Giải hạnh địa, đối với cảnh giới tạng thức mới học quán sát gọi là Tầm tư danh, Tầm tư nghĩa, Tầm tư danh nghĩa

tự tánh, Tâm tư danh nghĩa sai biệt đều là giả có, không có thật, chỉ do thức hiện nên nói là Bồ-tát Đại thừa thường quán ý ngôn làm cảnh.

Bồ-tát Pháp thân có thể biết chút ít nghĩa là vì địa vị Thông đạt mới chân thật thấy đạo, từ đây dứt chướng từng phần, chứng chân như từng phần. Đến Cứu cánh địa vẫn chưa biết hết nghĩa là Thập địa tròn đủ vẫn có sở tri ngu rất nhỏ nhiệm. Chỉ có Như Lai mới biết rõ tất cả, nghĩa là tận cùng cội nguồn tâm thức, thông đạt tánh tướng tâm thức không còn mê lầm.

Trong đây bàn về lý, chỉ có Thật, nói về quả vị thì gồm cả Quyền nghĩa là tóm thu tất cả cơ. Nếu nói thật giáo Nhất thừa thì sơ tâm liên quán tạng tánh Như Lai bất biến tùy duyên, có thể biết tám thức được kiến lập có tướng khác nhau. Lại quán tạng tánh Như Lai tùy duyên bất biến, có thể biết tánh của tám thức chỉ là một chân như thì có danh tự chứng đắc trí tuệ Như Lai, cho đến rốt ráo chứng đắc trí tuệ Như Lai, đây đủ như đoạn trên đã nói.

C2. Giải thích cạn sâu khác nhau:

Chia làm ba:

D1. Nói chung nghĩa sâu

D2. Dạy riêng thứ lớp

D3. Kết thúc chỉ bày hai chướng.

D1. Nói chung về nghĩa sâu:

Nghĩa này thế nào? Tâm tánh kia xưa nay thanh tịnh, vì năng lực vô minh nên hiện tướng tâm nhiễm. Tuy có tâm nhiễm nhưng thường trong sáng không hề thay đổi. Lại vì bản tánh không có phân biệt, tuy là sinh khắp tất cả cảnh giới mà không thay đổi.

Tâm tánh chỉ chung cho tánh của tám thức tâm vương và các tâm sở, tức là tánh chân như bất biến.

Vô minh tức chỉ cho si pháp nhỏ nhiệm của thức thứ bảy tương ứng, không biết Chân Pháp Như Thật là một. Hiện tướng tâm nhiễm chỉ chung tám thức tâm vương và các tâm sở đều có bốn phần tướng Y Tha khởi. Nhưng thường trong sáng không có thay đổi, nghĩa là bốn phần của mỗi Tâm, tâm sở đều nắm giữ toàn thể chân như làm thể, chân như tùy duyên bất biến cho nên thường trong sáng, như vàng làm các món đồ, các món đồ đều là vàng.

Lại vì bản tánh không phân biệt v.v... nghĩa là nhằm chỉ tướng phần sở biến của tâm, tâm sở, cũng lấy tâm tánh làm thể. Toàn thể tâm tánh Không hề có đổi khác, chắc chắn không có cảnh giới ngoài tâm.

Vì bất giác nhất pháp giới, bất tương ứng vô minh phân biệt khởi,

sinh ra các tâm nhiễm.

Bất tương ứng vô minh nghĩa là chỉ ngay hạt giống vô minh trong thức thứ tám, không tương ứng với thức tám hiện hành. Đây là giải thích tuy do năng lực vô minh từ vô thủy đến nay, vốn có tám thức và các tâm sở, mỗi thức có bốn phần, cho đến tất cả cảnh giới. Nhưng các pháp này, vốn không thay đổi, vốn không biến khác, vẫn là pháp giới nhất chân.

Nếu mỗi niệm quán sát tâm động thì không có sinh diệt, liền vào được môn chân như, tức chứng đắc trí tuệ Như Lai. Nhưng nếu bỗng chợt mất quán chiếu Bất Giác Nhất Pháp Giới thì hạt giống vô minh trong thức thứ tám liền tương ứng với bảy thức trước mà hiện hành phân biệt liền khởi, lại sinh ra các tâm nhiễm.

Nghĩa như thế rất sâu khó lường, chỉ có Phật mới biết, chẳng phải ai khác hiểu rõ được.

Nghĩa là hạt giống vô minh trong thức thứ tám chỉ cần một niệm bất giác liền khởi hiện hành mà sinh tâm nhiễm, ở đây tuy là Bồ-tát Đẳng giác chưa chuyển thức Dị thục thành thức Vô cấu thì còn chưa biết tận cội nguồn, chỉ quả vị Phật đã tương ứng với Trí Đại Viên Cảnh mới thông đạt tận cùng tánh tướng kia.

Nói chung nghĩa sâu đã xong.

D2. Dạy riêng thứ lớp:

Chia làm hai:

E1. Giải thích thứ lớp Ngộ Tĩnh.

E2. Giải thích nghĩa tương ứng, không tương ứng.

E1. Giải thích thứ lớp Ngộ tịnh:

Chia làm hai:

G1. Nói thứ lớp là tâm nhiễm

G2. Nói thứ lớp là Bất giác.

G1. Nói thứ lớp là Tâm nhiễm:

Do bất giác này, tâm nhiễm sinh có sáu thứ khác nhau.

- Chấp tương ứng nhiễm.

Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát Tín vị tương ứng sẽ xa lìa.

Chấp tương ứng Nhiễm là Hoặc Kiến Tư ngã chấp tương ứng, người Sơ quả Thanh văn, hữu học Duyên giác, Bồ-tát Tín Thành Tự phát tâm đều có thể mau dứt kiến hoặc, dần dứt tư hoặc nên nói sẽ xa lìa.

- Bất đoạn tương ứng nhiễm.

Sức siêng tu của bồ-tát tín địa có thể lìa ít phần, cho đến Tịnh Tâm

địa mới hết hẳn không còn.

Bất Đoạn Tương Ứng Nhiễm là phân biệt pháp chấp thức thứ sáu tương ứng, là chỗ không dứt trừ trong pháp Nhị thừa. Bồ-tát Tín Vị quán thức Duy tâm cốt điều phục chấp này, cho nên đến Hoan Hỷ địa hết hẳn không còn.

- Phân biệt Trí Tương Ứng Nhiễm.

Từ Cụ Giới địa cho đến Cụ Tuệ địa sẽ xa lìa được ít phần, đến Vô Tướng Hạnh địa mới hết hẳn.

Phân biệt trí tương ứng nhiễm nghĩa là câu sinh pháp chấp của thức thứ sáu tương ứng, tuy là sinh khởi hồn nhiên, vì không biết như thật chân pháp kia là một nên vẫn gọi là trí Phân biệt. Địa vị Ly Cấu thứ hai gọi là Cụ Giới, Hiện Tiền địa thứ sáu gọi là Cụ Tuệ, dần dứt trừ từng phần nên gọi là xa lìa ít phần. Địa vị Viển Hành thứ bảy gọi là Vô Tướng hạnh, quả vị Pháp Không Trí thường được hiện tiền cho nên Nhiễm này mới được hết hẳn.

- Hiện sắc bất tương ứng nhiễm.

Sắc này ở Tự Tại địa mới dẹp dứt trừ.

Ở đây vì từ vô thủy đến nay vọng chấp y báo, chánh báo khác nhau, tất cả tập khí huân trong thức thứ tám tuy không tương ứng cùng khởi với hiện hành chuyển thức nhưng vì năng lực hạt giống tập khí này chưa thể mặc tình hiện thân tướng và cõi nước gọi là hiện sắc bất tương ứng nhiễm. Nếu vào địa vị Sắc Tự Tại thứ tám thì tập khí này hết hẳn, cho nên có thể trong y báo hiện chánh báo trong chánh báo hiện y báo.

- Kiến Tâm Bất Tương Ứng Nhiễm.

Được dứt trừ ở địa vị Tâm tự tại.

Ở đây do từ vô thủy đến nay vọng chấp tâm mình và tâm người khác nhau, nên có tập khí huân trong thức thứ tám. Tuy không tương ứng cùng khởi với hiện hành chuyển thức, nhưng nhờ sức tập khí hạt giống này chưa thể tự tha giúp nhau, gọi là kiến tâm bất tương ứng nhiễm.

Nếu vào địa vị Tâm Tự Tại thứ chín thì tập khí này được dứt hẳn nên có thể tự thân nhập định, tha thân xuất định, tha thân nhập định, tự thân xuất định, một thân nhập định, nhiều thân xuất định, nhiều thân nhập định, một thân xuất định, cho đến đầy đủ bốn biện tài, một âm thanh đáp khắp hết tất cả các câu hỏi khác nhau của chúng sinh.

- Căn bản nghiệp bất tương ứng nhiễm.

Từ Bồ-tát Cứu cánh địa lên Như Lai địa mới dứt trừ được.

Đây do pháp Kiến, pháp Ái, pháp Mạn của thức bảy từ vô thủy vọng chấp thức thứ tám là thật pháp bên trong của mình, nên có tập

khí huân trong thức thứ tám. Tuy nhờ năng lực quả Pháp Không Trí của thức thứ sáu thường hiện ở trước nên không tương ứng đồng khởi với thức thứ bảy hiện hành, nhưng năng lực tập khí hạt giống này chưa bỏ tên thức Dị thực, chưa chứng Pháp thân bình đẳng không hai rốt ráo của tất cả Như Lai, nên cần từ quả vị Bồ-tát rốt ráo vào định Kim Cương Dự, dứt trừ hạt giống này mới vào quả vị Phật.

Phần đầu nói thứ lớp liả tâm Nhiễm đã xong.

G2. Nói thứ lớp liả bất Giác:

Bất giác nhất pháp giới nghĩa là bắt đầu từ Tín Tâm địa, Quán sát địa tu đến Tịnh tâm địa có thể xa liả ít phần, lê Như Lai địa mới hết hẳn.

Bất giác nhất pháp giới nghĩa là Hoặc Căn Bản của Vô minh trụ địa từ vô thủy, thường tương ứng với thức bảy, cũng có khi tương ứng với thức sáu, đều gọi là pháp si. Do vô minh này mà sinh tất cả tâm nhiễm. Trước đã nói tâm nhiễm đã sinh, xa liả phải có thứ lớp, nay sẽ nói thứ lớp xa liả bất giác này.

Nhị thừa không nghe tên gọi bất giác này hướng chi biết dứt trừ, nên không nói về việc này. Đại thừa bắt đầu từ Tín địa thì quán sát và học cách dứt trừ, nên cũng gọi là Quán sát địa. Tuy học dứt trừ nhưng chỉ có thể điều phục dần, vẫn chưa có xa liả vì ba tuệ hữu lậu Văn, tư, tu chưa thể phá hoại hạt giống này. Tu đến Sơ Hoan Hỷ địa liả phân biệt phát si của thức thứ sáu, từ đây về sau dần liả câu sinh pháp si, thẳng đến quả vị Như Lai mới dứt hẳn câu sinh pháp si trong thức thứ bảy. Vì thế thường được hành bất cộng vô minh rất nhỏ nhiễm, thẳng đến khi định Kim Cương Dự hiện trước mắt, mới đồng thời cùng diệt với Căn Bản Nghiệp Bất Tương Ứng Nhiễm.

Nên biết Bồ-tát Tiệm giáo chỉ biết thứ lớp liả nhiễm nên phải đến Tịnh tâm địa mới có thể xa liả ít phần vô minh này. Nếu Bồ-tát Đốn giáo từ đầu đã học quán sát vô minh tánh Không, không cần dứt trừ từng loại nhiễm khác nhau, mà vô minh năng sinh đã điều phục xa liả được từng phần, pháp nhiễm sở sinh cũng tự dứt trừ từng phần, cho nên Sơ phát tâm bèn gọi là Tịnh tâm địa. Không phải chỉ dứt hẳn bất đoạn tương ứng nhiễm thứ hai, cho đến hai thứ bất tương ứng nhiễm thứ tư và năm cũng được dứt trừ, có khả năng thị hiện tám tướng thành đạo, được Sắc tự tại, được Tâm tự tại.

Hỏi: Đoạn trước nói vì nương bất giác sinh ba tướng, sáu tướng, ở đây lại nói vì bất giác sinh sáu thứ Nhiễm thì nhiễm và tướng là giống nhau hay khác nhau? Và khi tướng sinh tức nhiễm cũng sinh phải

không? Khi trừ nhiễm tức là trừ tướng phải không?

Đáp: Tướng là hình tướng sở biến kế, thể là y tha, chung cho Hoặc, Nghiệp, Khổ; nhiễm là hạt giống hiện hành của năng biến kế, từ y tha khởi, chỉ riêng cho hoặc. Nhiễm như bụi mắt, Tướng như hoa đốm lẳng xằng, chỉ nên trừ Nhiễm, không cần trừ Tướng. Lại nữa, mỗi tướng đều có thể khởi ở sáu nhiễm, mỗi nhiễm đều có thể thành nơi chín tướng nên không thể chỉ chắc chắn nhiễm nào tức là tướng nào. Nếu theo nhiễm dứt trừ tướng sẽ tùy trừ.

Thô phân biệt nghĩa là: chấp tướng ứng Nhiễm, tức hoặc kiến tư trong thân. Ba thừa khi lìa kiến hoặc thì dứt trừ danh đẳng tướng bên trong và khởi nghiệp tướng hữu lậu, vì bậc Thánh không tạo nghiệp đời sau. Nhị thừa khi hết tư hoặc tức trừ trí và ba tướng tướng tục chấp thủ bên trong, khi Nhị thừa nhập Niết-bàn tức trừ Tướng Nghiệp Hệ Khổ bên trong và ba tướng nghiệp v.v... nương khổ uẩn mà khởi.

Bồ-tát có hai loại:

Một là Trí tăng thượng, xả sinh tử Phần Đoạn, sinh về cõi Phương Tiện là chỗ dứt trừ các tướng, giống với Nhị thừa.

Hai là Bi tăng thượng, giúp Tập nhuận sinh, không trừ Trí Tướng và Tướng Tục Tướng bên trong, chỉ trừ tướng chấp trước bên trong. Vẫn dùng hạt giống nghiệp cũ để thọ sinh nên cũng không trừ tướng Nghiệp hệ khổ và ba tướng nghiệp v.v... Chỉ chắc chắn không tạo nghiệp mới cho nên không khởi Nghiệp tướng hữu lậu.

- Bất Đoạn tương ứng Nhiễm:

Tức kiến hoặc đối với cảnh bên ngoài, khi hết mê hoặc này rồi thì chứng từng phần Pháp thân, chỉ trừ chấp danh đẳng tướng thứ tư bên ngoài.

- Phân biệt Trí tương ứng nhiễm.

Tức tư hoặc hiện hành bên ngoài, hết mê hoặc này rồi thì chứng Vô Tướng địa, trừ chấp trước và khởi Tướng Nghiệp hữu công dụng vô lậu bên ngoài mà không trừ tướng nghiệp vô công dụng.

- Hiện Sắc bất tương ứng nhiễm.

Tức tướng phần tập khí hí luận, trừ tập khí này rồi, được Sắc tự tại có thể hiện các sắc, chẳng phải trừ tướng cảnh giới.

- Kiến Tâm Bất tương ứng nhiễm.

Tức kiến phần tập khí hí luận, dứt tập khí này rồi thì được Tâm tự tại, có khả năng hiện các tâm, chẳng phải trừ tướng Năng kiến.

- Căn bản Nghiệp Bất tương ứng nhiễm.

Tức tập khí quả báo Dị thực vô ký. Trừ tập khí này rồi, tất cả

tướng vọng đều trừ hết, chứng Pháp thân bình đẳng của các Như Lai, không có sắc tướng sai biệt nào khác, nên nói khi một người thành Phật, pháp giới đều là chánh báo, y báo của một Đức Phật, ví như ngàn ngọn đèn trong một ngôi thất, ánh sáng trùm khắp không thể phân biệt, nhưng không chướng ngại, cũng không lẫn lộn nhau.

Lại nữa, trừ nhiễm và bất giác rồi, mới hiển bày được tướng dụng chân như, nghĩa là Pháp thân và báo thân các Như Lai thường tự thọ dụng pháp lạc rộng lớn, tức là nghiệp tướng rất ráo. Hai trí căn bản và hậu đắc chiếu soi tất cả pháp, tức tướng năng kiến rất ráo.

Trí Đại Viên Cảnh tương ứng thức thanh tịnh, biến thành cõi Phật thuần tịnh vô lậu, tròn khắp không giới hạn. Các báu trang nghiêm, thân tự thọ dụng thường nương đó mà an trụ, như Tịnh độ lượng, Thân lượng cũng vậy, các căn tướng tốt, mỗi căn vô biên tức tướng cảnh giới rất ráo. Tứ trí tâm phẩm không khác mà khác tức trí tướng rất ráo. Tột đời vị lai không đổi khác, không hoại diệt, tức tướng Tướng Tục rất ráo. Đại từ đại bi nhiếp lấy chúng sinh thường không nhằm mỗi, tức tướng chấp trước rất ráo. Trong pháp không có danh tướng lập bày các thứ chữ câu, đoạn văn v.v... ít có, khiến các chúng sinh được bốn tất đàn lợi ích tức rất ráo chấp danh đẳng tướng. Thườn hiện ba lần xoay bánh xe pháp luân thể nghĩ bàn để giáo hóa tức cứu cánh khởi nghiệp tướng. Cùng luân hồi trong chín cõi, dạo chơi địa ngục, tức cứu cánh nghiệp hệ khổ tướng. Lại nữa, Như Lai cố nhiên có thể chứng trọn vẹn rất ráo chín tướng, người phát tâm trở lên cũng Phần chứng chín tướng. Trong tu tuệ cũng có Chín tướng tương tự, trong Tư tuệ cũng có Chín tướng quán hạnh, trong Văn tuệ cũng có Chín tướng danh tự, tất cả chúng sinh chỉ có lý tức Chín tướng.

Chín tướng bình đẳng đều là pháp giới, tức chân như Thể đại, ba tướng trước là chân như tướng đại, sáu tướng sau là chân như Dụng đại. Vì chân như không thể chia cắt, không có phân biệt, trong các tướng này tùy ý giữ một tướng đều đầy đủ ba nghĩa thể đại, tướng đại, dụng đại. Phải dùng ý để hiểu, không thể nói hết, nhưng đều không lìa tâm hiện tiền chúng sinh nên nương tâm này để hiển bày Đại thừa.

Phần đầu giải thích thứ lớp Ngộ Tịnh đã xong.

E2. Chuyển sang giải thích nghĩa tương ứng, bất tương ứng:

Nghĩa Tương ứng nghĩa là tâm phân biệt khác nhau, Nhiễm Tịnh phân biệt khác nhau, Tri tướng Duyên tướng giống nhau.

Tâm phân biệt nghĩa là Thể của bảy Tâm vương ở trước. Nhiễm tịnh phân biệt là Thể của Tâm sở tương ứng. Tâm vương, Tâm sở đều

lấy phân biệt lưỡng đôi làm tự tánh. Nói đều khác nghĩa là đều khởi hiện hành, đều có tự thể.

Tri tướng đồng: nghĩa là Kiến Phần năng duyên, hòa hợp tướng tự như một. Duyên tướng giống nghĩa là Tướng Phần Sở Duyên ảnh chất tướng tự nhau.

Bất Tướng ứng nghĩa là, tức tâm Bất giác thường không khác nhau, Tri tướng, Duyên tướng không giống nhau.

Tức Tâm Bất Giác thường không khác nhau nghĩa là, Tâm là Kiến phần của Tâm vương thứ tám; Bất Giác là hạt giống tâm Nhiễm, tức là Tướng phần sở duyên thứ tám; Kiến phần Tướng phần đều nương Tự Chứng phần khởi nên nói không khác nhau. Tri tướng không giống là Kiến Phần của thức thứ tám, là năng duyên nên có tri, hạt giống nhiễm tâm không khởi hiện hành, không phải là năng duyên cho nên vô tri. Duyên tướng không giống là Kiến phần thức tám dùng ba tánh cảnh làm sở duyên, hạt giống tâm Nhiễm thì không có cảnh sở duyên.

Phần hai chỉ riêng thứ lớp đã xong.

D3. Kết thúc chỉ bày hai Chương:

Tâm nhiễm là chướng phiền não vì làm chướng trí chân như Căn Bản.

Ở đây tổng kết sáu thứ tâm nhiễm đều gọi là chướng Phiền não. Ngã chấp tương ứng các thứ hoặc, đều gọi là phiền não Kiến tư nội giới, làm chướng Ngã Không chân như. Pháp chấp tương ứng các thứ Hoặc, chỉ trừ một loại là pháp si, đều gọi là phiền não kiến Tư ngoại giới, làm chướng pháp không chân như.

Chỉ có trí căn bản làm chướng chân như, đã chướng chân như tức chướng trí căn bản.

Vô minh nghĩa là sở tri chướng, vì làm chướng trí tự tại nghiệp thế gian.

Chỉ chấp một thứ pháp si gọi là vô minh, do pháp si này, nên đối với nghiệp thế gian không được tự tại, gọi là chướng trí kia.

Nghĩa này thế nào? Vì nương tâm Nhiễm chấp trước vô lượng cảnh giới lưỡng đối năng thủ sở thủ, trái với tánh bình đẳng của tất cả pháp.

Ở đây giải thích lý do tâm nhiễm có thể chướng trí căn bản, tánh bình đẳng của tất cả pháp tức là chân như vốn không có năng sở.

Tất cả pháp tánh bình đẳng vắng lặng, không có tướng sinh vô minh bất giác, vọng và giác trái nhau cho nên đối với tất cả nghiệp dụng khác nhau, các thứ cảnh giới thế gian đều không thể biết như thật.

Ở đây giải thích lý do Vô Minh làm chướng trí tự tại, vì chỉ biết như thật mới được tự tại.

Phần hai nói về nhân duyên sinh diệt đã xong.

A3. Phân biệt Tướng sinh diệt:

Chia làm hai:

B1. Phân biệt.

B2. Hỏi đáp giải thích nghi ngờ.

B1. Phân biệt:

Lại nữa, tướng sinh diệt của tâm chia ra hai thứ khác nhau:

Thô: là tâm tương ứng.

Tế: là tâm bất tương ứng.

Khởi với tâm tương ứng gọi là tâm tương ứng, tức hiện hành của tâm, tâm sở, kinh Lăng-già gọi là tướng sinh, trụ, diệt. Không tương ứng khởi với tâm gọi là tâm bất tương ứng, tức hạt giống tâm, tâm sở, Lăng-già gọi là lưu chú sinh trụ diệt.

Thô trong thô là trí cảnh phàm phu.

Thô trong thô tức chấp Tướng ứng Nhiễm thứ nhất, vốn là pháp mà Nhị thừa và Bồ-tát Tín địa phải xa lìa. Nay nói trí cảnh phàm phu tức Tín địa gọi là nội phàm, giống với Trí đoạn của người Nhị thừa, vì chưa vào Thánh vị Đại thừa.

Tế trong thô và thô trong tế là trí cảnh Bồ-tát, tế trong tế là trí cảnh Phật.

(Trong Tạng mất tám chữ này, nên thêm vào theo bản đời Lương: “Tế trung chi tế, thị Phật trí cảnh”)

Tế trong thô là bất đoạn tương ứng nhiễm, phân biệt trí tương ứng nhiễm. Thô trong tế tức hiện sắc Bất tương ứng nhiễm, kiến tâm Bất tương ứng nhiễm. Bồ-tát là Tịnh tâm địa trở lên. Tế trong tế là nghiệp căn bản, Bất tương ứng nhiễm, chỉ có trí Phật mới chiếu soi đến cội nguồn.

Hai tướng (thô tế) này đều do năng lực vô minh huân tập sinh khởi, nhưng nương nhân nương duyên. Nhân là bất giác, duyên là cảnh vọng, nhân diệt thì duyên diệt, duyên diệt thì tâm tương ứng diệt; nhân diệt nên tâm bất tương ứng diệt.

Vô minh là chỉ riêng pháp si, vì trừ pháp này ra đều thuộc về tâm Nhiễm. Bất giác là pháp si vô minh. Duyên diệt thì không khởi hiện hành nên tâm Tương ứng diệt, nhân diệt thì không có hạt giống nên tâm bất tương ứng diệt, thành Như Lai.

Hỏi: Đã nói Nhân diệt thì Duyên diệt, thì khi chưa thành Phật vô

minh chưa diệt cảnh sẽ chưa diệt, cảnh đã chưa diệt thì tâm Tương Ứng lẽ ra cũng không diệt. Vì sao đến địa vị Vô Tướng đã diệt hết Tương ứng Nhiễm?

Đáp: Vô minh có hai thứ:

Cùng thức bảy, thì Phật địa mới hết.

Cùng thức sáu lại chia hai loại:

a/ Phân biệt, Tịnh tâm địa mới dứt.

b/ Câu sinh, Vô tướng địa mới dứt.

Vô minh diệt từng phần thì cảnh cũng diệt từng phần, vì cảnh diệt từng phần tâm tương ứng cũng diệt từng phần. Đây gọi là Tâm tương ứng diệt nghĩa là chỉ diệt hiện hành của tâm Nhiễm. Nếu vô lậu hiện hành thì bốn trí của quả Phật đều có hai mươi mốt pháp Tương ứng lại không diệt. Diệt tâm bất tương ứng chỉ là dứt hạt giống hữu lậu. Nếu là hạt giống vô lậu thì thường được thức Yêm-ma-la giữ gìn, tốt mé vị lai không bao giờ diệt.

Phần đầu phân biệt đã xong.

B2. Hỏi đáp giải Nghi:

Hỏi: Nếu tâm diệt làm sao nối tiếp?

Nếu nối tiếp vì sao nói Diệt?

Ở đây mục đích muốn nói hạt giống và hiện hành tâm Nhiễm có thể diệt, hạt giống và hiện hành tâm thanh tịnh không diệt nên đặt câu hỏi để phát khởi.

Đáp: Thật vậy! Nay nói diệt, nghĩa là chỉ diệt tâm tương chẳng phải diệt tâm thể.

Tâm tương tức chỉ cho tướng Nhiễm, Tâm thể tức chỉ cho bản thể nhiễm tịnh sở y, chẳng nhiễm chẳng tịnh. Nhiễm cũng nương Thế, vì trái với Thế nên chỉ gọi là Tướng. Tịnh cũng có tướng, là chân như tướng Đại, vì thuận với Thế nên gọi thẳng là Thế.

Như nước do gió mà có tướng động, vì gió ngừng tướng động liền dứt, chẳng phải thể nước diệt. Nếu nước diệt thì tướng động phải dứt, vì không có nước sở y nên không có tướng động năng y, vì thể nước không diệt nên tướng động vẫn nối tiếp.

Nước dụ cho tâm thể, gió dụ cho vô minh, động dụ cho Tâm tương.

Chúng sinh cũng vậy, vì sức vô minh khiến tâm động, vì vô minh diệt tướng động liền diệt, chẳng phải tâm thể diệt. Nếu tâm diệt thì chúng sinh đoạn, vì không có sở y nên không có năng y.

Vô minh khiến tâm kia động, cũng như nhân gió dậy sóng, thì tám

thức và các tâm sở đều là tướng động. Vì vô minh diệt tướng Nhiễm động diệt, chẳng phải tâm Thể diệt, ví như gió dừng sóng lặng, thể nước không diệt thì bốn trí tương ứng tâm phẩm đều như nước. Nếu tâm diệt, chúng sinh đoạn, thì Như Lai gọi là chúng sinh vô thượng, nếu không có bốn trí tâm thể sở y, thì không có Như Lai giả danh năng y.

Vì tâm Thể không diệt, tâm động nối tiếp.

Bản đời Lương chép: Vì thể không diệt, nên tâm được nối tiếp, chỉ có si diệt. Tâm tướng diệt theo chẳng phải tâm trí diệt.

Nên biết chỉ diệt tướng nhiễm gọi là Bất động mà bốn trí tâm phẩm tức là tướng đại của chân như, hằng khởi dụng đại chân như vẫn có thể gọi là Tâm động nối tiếp, nhưng do hiểu rõ không có động mà động, cho nên động không có tướng động, không giống tác dụng cảnh giới thế đế.

Tâm ý thức của tất cả chúng sinh chẳng thể nghĩ lường. Phần đầu nói về sinh diệt của Nhiễm Tịnh đã xong.

